

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 344/2025/DS-PT
Ngày 27 – 8 – 2025
V/v tranh chấp chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Ninh Quang Thế

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04, 26 và 27 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 224/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc: Tranh chấp chia thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 182/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 177/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Vuur Hồng H, sinh năm 1951 (Vắng mặt);

Căn cước công dân số: 096051005260; Cấp ngày: 14/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ trú tại: Ấp Bà Hương, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Nay là: Ấp Cái Xép, xã Đất Mũi, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Vuur H: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Đường Đ, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Vuur Bạch Đ, sinh năm 1964 (Có mặt);

Căn cước số: 096064000722; Cấp ngày: 11/8/2024; Nơi cấp: Bộ C2.

Địa chỉ cư trú: Số D, đường Q, khóm A, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Nay là: Số D, đường Q, khóm G, phường H, tỉnh Cà Mau.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Vuur Thị Thu B, sinh năm 1955 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Nay là: Khóm A, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Đường Hải Thượng Lãn Ông, khóm 7, phường 7, thành phố Cà Mau.

Nay là: Đường Hải Thượng Lãn Ông, khóm 7, phường Hoà Thành, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Vư Thị Thu T, sinh năm 1961 (Vắng mặt);

3. Bà Vư Thị Thu N, sinh năm 1976 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Đường Hải Thượng Lãn Ông, khóm 7, phường 7, thành phố Cà Mau.

Nay là: Đường Hải Thượng Lãn Ông, khóm 7, phường Hoà Thành, tỉnh Cà Mau.

4. Ông Vư Việt T1, sinh năm 1969 (chết);

Người thừa kế thế vị của ông Vư Việt T1:

4.1. Vư Thái B1, sinh ngày 26/9/2008;

4.2. Vư Gia B2, sinh ngày 09/10/2010;

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của Vư Gia B2 và Vư Thái B1: Bà Nguyễn Thị Thu T2 (là mẹ ruột – Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Số 01, đường Hải Thượng Lãn Ông, khóm 7, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Nay là: Đường Hải Thượng Lãn Ông, khóm 7, phường Hoà Thành, tỉnh Cà Mau

5. Bà Vư Thị Thu S (chết);

Người thừa kế thế vị của bà Vư Thị Thu S:

5.1. Bùi Anh T3, sinh năm 2000 (Vắng mặt);

5.2. Bùi Thái T4, sinh năm 2002 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Số A, đường H, khóm G, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Nay là: Số A, đường H, khóm G, phường H, tỉnh Cà Mau

6. Bà Huỳnh Ngọc Đ1, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Số A, đường H, khóm G, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Nay là: Số A, đường H, khóm G, phường H, tỉnh Cà Mau.

7. Ông Lê Thành H1, sinh năm 1964 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Số nhà I, đường T, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Nay là: Số nhà I, đường T, khóm B, phường T, tỉnh Cà Mau.

8. Bà Nguyễn Thanh N1, sinh năm 1975 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Nay là: Ấp T, Phường H, tỉnh Cà Mau.

9. Ông Trần Văn H2, sinh năm 1947 (Vắng mặt);
10. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1952 (Vắng mặt);
Cùng địa chỉ cư trú: Đường H, khóm H, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
- Nay là: Đường H, khóm H, phường H, tỉnh Cà Mau.
11. Bà Phạm Thị Thu V, sinh năm 1981 (Vắng mặt);
Địa chỉ cư trú: Số E, Huỳnh Thúc K1, khóm H, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
- Nay là: Số E, Huỳnh Thúc K1, khóm H, phường H, tỉnh Cà Mau.
12. Ông Phạm Minh K2, sinh năm 1979 (Vắng mặt);
Địa chỉ cư trú: Số 83A, khóm 7, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Nay là: Số 83A, khóm 7, phường Hoà Thành, tỉnh Cà Mau.
13. Bà Trần Thị C, sinh năm 1965 (Vắng mặt);
Địa chỉ cư trú: Đường L, khóm D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.
14. Bà Ngô Thị Mỹ H3, sinh năm 1976 (Vắng mặt);
15. Ông Trần Biên Đ2, sinh năm 1971 (Vắng mặt);
Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 8, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Nay là: Khóm 8, phường Hoà Thành, tỉnh Cà Mau.
16. Bà Lý Thị B3, sinh năm 1979 (Vắng mặt);
Địa chỉ cư trú: Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
Nay là: Phường A, tỉnh Cà Mau.
17. Ông Huỳnh Bá T5, sinh năm 1957 (Vắng mặt);
18. Bà Bùi Thị C1, sinh năm 1957 (Vắng mặt);
Cùng địa chỉ cư trú: Khóm A, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
Nay là: Khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau.
19. Ông Nguyễn Mạnh T6 (Vắng mặt);
Địa chỉ cư trú: Đường Châu Văn Đặng, khóm 7, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Nay là: Đường Châu Văn Đặng, khóm 21, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau
- *Người kháng cáo:* Ông Vuơ Bạch Đ, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của ông Vuơ Hồng H và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn K trình bày:

Cụ Vuơ Thành S1 (chết năm 2001) và cụ Lê Thị N3 (chết năm 2012) chung sống có được 07 người con (chết 01 người, có 02 người con). Khi còn sống, cụ S1 và cụ N3 có khai phá được phần đất diện tích 19.606,7m², tọa lạc tại khóm G, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm

1993. Năm 2001 cụ S1 chết, không để lại di chúc. Sau khi cụ S1 chết, đến năm 2010 cụ N3 chia phần đất này cho các con gồm:

Vưu Hồng Hà ngang 10m, dài 30m; ông H đã xây cất nhà ngang 5,5m, dài 16m và cuốn nền cấp mộ cụ S1 ngang 4,5m, dài 30m; nhưng thực tế ông H chỉ nhận được phần đất tổng diện tích 165m^2 , còn diện tích 135m^2 ông H chưa được nhận;

Những người còn lại gồm: Vưu Thị Thu B, Vưu Thị Thu T, Vưu Thị Thu S, Vưu B, Vưu V, Vưu Thị Thu N, mỗi người được chia phần đất ngang 10m, dài 30m.

Đến ngày 17/10/2012 cụ N3 chết, không để lại di chúc. Trong quá trình tranh chấp vào năm 2017 thì ông H phát hiện việc lập văn bản phân chia thừa kế của các anh, em ông H được Văn phòng C3 chứng thực vào 12/6/2017 là hoàn toàn không đúng quy định pháp luật.

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế quyền sử dụng đất của cụ S1, cụ N3 để lại theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Tổng diện tích cụ S1, cụ N3 để lại là 19.940m^2 , sau khi trừ lộ Hải Thượng Lãn Ông thì còn $19.606,7\text{m}^2$; đồng thời khi cụ S1, cụ N3 còn sống có sang nhượng cho ông Lê Thành H1 ngang 16m, dài 36m, tổng diện tích là 576m^2 và phân chia cho các con một phần cụ thể: Ông H 300m^2 nhưng đang quản lý 165m^2 ; bà Thu B, bà Thu T, Thu S, Nga, ông Đ mỗi người 300m^2 ; ông T1 150m^2 ; phần để làm mộ ngang 8m, dài 80m; trừ toàn bộ phần đất đã sang nhượng và cho các con thì phần đất còn lại diện tích là $16.575,7\text{m}^2$. Ông H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, ông H yêu cầu được nhận tổng diện tích đất là $2.483,67\text{m}^2$ (trong đó có 135m^2 được cho chưa nhận). Hiện nay ông Đ là người đang quản lý đất nên yêu cầu Tòa án buộc ông Đ có nghĩa vụ giao trả cho ông H, đồng thời tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là vô hiệu.

- Theo ông Vưu Bạch Đ trình bày:

Khi cha, mẹ ông chết có để lại tài sản gồm :

Phần đất diện tích $2.099,92\text{m}^2$, năm 2011 Ủy ban thành phố C cấp lại cho mẹ ông đứng tên. Khi còn sống mẹ ông đã cho ông Vưu Việt T1 và ông T1 đã được cấp giấy chứng quyền sử dụng đất năm 2011.

Phần đất trên lộ có diện tích $15.929,88\text{m}^2$ (theo đo đạc thực tế là $14.676,60\text{m}^2$), phần đất này năm 2010 mẹ ông đã họp các anh, chị, em của ông để chia đất như sau:

Phần đất mặt tiền giáp với lộ H: Ông Vưu Hồng H ngang 05m, dài 30m, ông H đã cất nhà năm 2011 nhưng không trực tiếp ở; bà Vưu Thị Thu B ngang 10m, dài 30m, bà B đã cất nhà 05m trên phần đất này; bà Vưu Thị Thu T ngang 10m, dài 30m, bà T đã cất nhà 05m trên phần đất này; ông Vưu Bạch Đ ngang 10m, dài 30m, phần đất để trống; bà Vưu Thị Thu S ngang 10m, dài 30m, đã cất nhà 05m trên phần đất này, hiện có chồng và 02 con của bà S đang ở; ông Vưu V1 Tân ngang 5m, dài 30m, phần đất để trống; bà Vưu Thị Thu N ngang 10m, dài 30m, cất nhà 5,5m dài hết hậu. Ngoài ra, cha ông đã sang nhượng cho ông Lê Thành H1 vào năm 2000, chiều ngang 16m, chiều dài 36m, hiện nay vẫn chưa tách quyền sử dụng đất cho ông H1 và chưa phần đất ngang 08m, dài 80m để làm khu mộ.

Đối với phần đất ruộng, mẹ ông đã sang nhượng cho ông để trả nợ và trị bệnh cho mẹ ông, việc sang nhượng các anh, chị, em điều biết và ông đã thanh toán tiền đủ cho mẹ ông, nhưng do đất tranh chấp với Hội đồng giáo xứ Bảo Lộc, nên các anh, chị không làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được. Đến năm 2017, gia đình mới thỏa thuận được với Hội đồng giáo xứ; vì vậy anh, chị em thống nhất để ông đứng tên, rồi sau đó tách ra từng phần để chia lại cho anh, em như sự phân chia của mẹ ông trước đây. Do đất đã chia cho các anh, em và đã sang nhượng cho nhiều người nên không còn đất để chia thừa kế theo yêu cầu của ông H.

- Bà *Vưu Thị Thu B, Vưu Thị Thu N, bà Vưu Thị Thu T* trình bày:

Trước đây cha mẹ cho các con mỗi người một phần đất tự cất nhà và quản lý, số còn lại đã sang nhượng cho ông Vưu Bạch Đ.

- Ông *Trần Văn H2* trình bày:

Ông có sang nhượng phần đất của gia đình ông Đ được nhà nước công nhận hợp pháp, ông không có liên quan gì đến ông Vưu Hồng H.

- Bà *Nguyễn Thị Thu T2* trình bày:

Cha mẹ có cho vợ chồng bà phần đất cất nhà, vợ chồng tôi đã nhận xong, bà không biết gì về việc tranh chấp.

- Ông *Nguyễn Mạnh T6* trình bày :

Ông có sang nhượng phần đất của gia đình anh Đ được nhà nước công nhận hợp pháp, nên không có liên quan gì đến ông H.

- Bà *Lý Thị B3, Ngô Thị Mỹ H3* trình bày :

Bà có sang nhượng phần đất của gia đình anh Đ được nhà nước công nhận hợp pháp, nên không có liên quan gì đến ông H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 182/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Vưu Hồng H. Ông Vưu Hồng H được nhận kỷ phần chia thừa kế theo pháp luật với diện tích đất trồng cây lâu năm là 426,14m² và diện tích đất trồng lúa là 1.249,94m².

- Tiếp tục giữ nguyên hiện trạng căn nhà và đất ông H đang quản lý, sử dụng có diện tích ngang 5,5m, dài 16m, tọa lạc tại đường H, Phường G, thành phố C .

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vưu Bạch Đ. Ông Vưu Bạch Đ có nghĩa vụ giao phần đất phía sau hậu tiếp giáp phần đất ông H đang quản lý có chiều ngang 5,5m, chiều dài 14m, tổng cộng là 77m² cho ông Vưu Hồng H.

Tổng cộng diện tích đất trồng cây lâu năm ông H quản lý, sử dụng là 165m² (ngang 5,5m, dài 30m) tọa lạc tại phường G, thành phố C (mặt tiền phía trước giáp đường H, mặt cạnh giáp lộ nhựa hiện hữu theo vị trí M1 tại bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 19/11/2019 của công ty TNHH một thành viên T10).

Ông Vưu Hồng H được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền về đất đai đăng ký quyền sử dụng đất và làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Buộc ông Vưu Bạch Đ giao giá trị quyền sử dụng đất đối với phần đất trồng cây lâu năm và đất ruộng cho ông Vưu Hồng H với tổng số tiền là

4.273.756.300 đồng (tương đương diện tích đất trồng lúa 1.249,94m² và 426,14m² đất trồng cây lâu năm).

- Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Vưu Hồng H đối với phần diện tích đất trồng cây lâu năm là 807,59m².

- Tiếp tục tạm giao các kỷ phần của các đồng thừa kế cho ông Đ quản lý, sử dụng. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì giải quyết thành vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/7/2022, ông Vưu Bạch Đ có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vưu Hồng H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vưu Bạch Đ giữ nguyên kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Ông Đ phát biểu: Phần đất của cha mẹ ông đã tặng cho và sang nhượng cho ông, nên yêu cầu Tòa xem xét đối với yêu cầu chia thừa kế của ông H.

Ông K phát biểu: Yêu cầu kháng cáo của ông Đ là không có căn cứ, bởi lẽ: Phần đất là do cụ S1 đứng tên quyền sử dụng đất, cụ S1 chết không để lại di chúc, ông H là hàng thừa kế thứ nhất của cụ S1 nên được hưởng kỷ phần thừa kế theo quy định pháp luật. Việc cụ N3 cùng các con lập văn bản phân chia di sản thừa kế nhưng không có tên ông H là không đúng pháp luật. Ông Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong giai đoạn Tòa đang thụ lý giải quyết tranh chấp, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Đ đã sang nhượng phần đất cho nhiều người. Đối với bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, yêu cầu không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Vưu Bạch Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Vưu Bạch Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ông Vưu Hồng H cho rằng phần đất của cha, mẹ ông (cụ Vưu Thành S1 và cụ Lê Thị N3) chết để lại, cha mẹ ông không lập di chúc, nên ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích mà cụ S1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ông H yêu cầu được chia phần đất có diện tích 2.463,67m². Đối với ông Vưu Bạch Đ cho rằng phần đất của cha, mẹ chết để lại, khi mẹ còn sống đã chia cho các anh, chị, em của ông và sang nhượng cho ông nên không còn đất để chia theo yêu cầu của ông H.

[2] Qua các tài liệu chứng cứ thu thập có tại hồ sơ thấy rằng :

[2.1] Cụ S1 và cụ N3 là vợ chồng, chung sống với nhau có 07 người con chung gồm: Vưu H, Vưu Thị Thu T, Vưu Thị Thu B, Vưu B, Vưu Thị Thu N, Vưu Thị Thu S (chết năm 2011, bà S có 02 con là Bùi Anh T3 – sinh năm 2000, Bùi Thái T4 – sinh năm 2002), ông Vưu Việt T1 (chết năm 2022 , ông T1 có 02

người con là Vưu Thái B1 - sinh ngày 26/9/2008 và Vưu Gia B2 - sinh ngày 09/10/2010) .

[2.2] Cụ S1 và cụ N3 chung sống có tạo lập phần đất diện tích 19.940m², tọa lạc tại đường H, khóm G, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau, được Ủy ban nhân dân thị xã C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993. Năm 2000, cụ S1 chuyển nhượng cho ông Lê Thành H1 phần đất ngang 16m, dài 36m, các bên chỉ lập giấy tay, ông H1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2001, cụ S1 chết không để lại di chúc. Sau khi cụ S1 chết thì cụ N3 có chia đất cho các con, cụ thể: Ông Vưu Hồng H ngang 05m, dài 30m (thực tế ông H quản lý, sử dụng ngang 5,5m, dài 16m); bà Vưu Thị Thu B, bà Vưu Thị Thu T, ông Vưu Bạch Đ, bà Vưu Thị Thu S, bà Vưu Thị Thu N, mỗi người ngang 10m, dài 30m; ông Vưu V1 Tân ngang 5m, dài 30m.

[2.3] Đến ngày 04/5/2011, cụ N3 và các con gồm: Vưu Thị Thu T, Vưu Thị Thu B, Vưu B, Vưu Thị Thu N, Vưu V có lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản tại Phòng C4 tỉnh Cà Mau, nhưng không có tên ông H.

[2.4] Năm 2012, cụ N3 chết không để lại di chúc. Đến ngày 08/6/2017, ông H khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu chia thừa kế, thì ngày 12/6/2017 các anh, chị, em của ông Đ gồm: Vưu Thị Thu B, Vưu Thị Thu T, Vưu B, Vưu Thị Thu N, Vưu Việt T1 lập văn bản phân chia thừa kế giao toàn bộ phần diện tích đất cho ông Vưu Bạch Đ, nhưng tại văn bản phân chia này cũng không có tên ông H và 02 người con của bà S. Đồng thời, cũng trong thời gian này ông Đ làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi chỉnh lý biến động diện tích đất còn lại là 15.929,8m² (Trong đó: Đất lập vườn: 6.809,88m²; đất trồng lúa 9.119,92m², thuộc thửa số 35, 36 và thửa số 10, tờ bản đồ số 16, thể hiện sổ mục kê hộ bà Lê Thị N3). Đến ngày 04/7/2017, ông Đ được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng diện tích là 14.686m²; trong đó: Đất trồng cây lâu năm diện tích 5.937m² và đất trồng lúa diện tích 8.749,6m². Sau đó, ông Đ chuyển nhượng và cho tặng nhiều người gồm: Bà Huỳnh Ngọc Đ1, bà Ngô Thị Mỹ H3, bà Lý Thị B3, bà Nguyễn Thanh N1; ông Trần Văn H2, bà Bùi Thị C1, bà Vưu Thị Thu B, bà Phạm Thị Thu V, ông Phạm Minh K2, ông Nguyễn Mạnh T6,... và những người này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.5] Xét thấy, văn bản thỏa thuận phân chia tài sản giữa cụ N3 và các con ngày 04/5/2011 và văn bản phân chia tài sản thừa kế của các đồng thừa kế (là anh, chị, em ông Đ) ngày 12/6/2017 cũng không có tên ông H và người thừa kế thế vị của bà S (02 con của bà S). Tại Văn bản ngày 04/5/2011, cụ N3 và các con cụ N3 cam đoan: *“Những điều đã khai là hoàn toàn đúng sự thật, không khai man, không giấu thừa kế. Nếu sai hoặc sau này còn có ai khác khiếu nại và chứng minh được họ là người thừa kế hợp pháp của ông Vưu Thành S1 thì chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và xin đem tài sản riêng của mình ra để bảo đảm cho lời khai này”*. Tại văn bản bản ngày 12/6/2017, các anh, chị, em của ông Đ cũng cam đoan: *“Những điều đã khai là hoàn toàn đúng sự thật, không khai man, không giấu thừa kế. Nếu sai hoặc sau này còn có ai khác khiếu nại và chứng minh được họ là người thừa kế hợp pháp của ông Vưu Thành S1 và bà Lê Thị N3 thì chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và xin đem tài sản riêng*

của mình ra để bảo đảm cho lời khai này”. Thực tế, tại 02 văn bản phân chia di sản thừa kế nêu trên, cụ N3 và các con và N3 đều cố tình không khai ông H là người thừa kế của cụ S1 và cụ N3. Việc lập hai văn bản phân chia tài sản trên đều không tuân thủ đúng với quy định của pháp luật, nên không có giá trị pháp lý để thực hiện đối với ông H.

[2.6] Mặt khác, đối với phần diện tích đất nêu trên, ngày 08/6/2017 ông H đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau để yêu cầu chia thừa kế; đến ngày 09/11/2017 thì Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau mới đình chỉ giải quyết vụ án, nhưng trong thời gian Tòa án đang giải quyết vụ án thì Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ vào ngày 04/7/2017 và cho những người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đ vào tháng 8/2017 là chưa đúng quy định tại Điều 188 Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên, trong vụ án này các đương sự không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không đặt ra việc xem xét giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.7] Từ phân tích và đánh giá nêu trên, xét thấy việc cụ N3 và các đồng thừa kế tự lập văn bản thỏa thuận chia thừa kế mà không có tên của ông H và sự đồng ý của ông H là không đúng với quy định của pháp luật, nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông H là có căn cứ chấp nhận. Như vậy, di sản chia thừa kế là phần đất sau khi điều chỉnh biến động có tổng diện tích là 14.686m^2 , trong đó có đất trồng cây lâu năm diện tích 5.937m^2 và đất trồng lúa diện tích $8.749,6\text{m}^2$. Tuy nhiên, trong diện tích chia thừa kế này đã có một phần khi cụ N3 còn sống đã tiến hành phân chia cho các con như các đương sự trình bày và thừa nhận, cụ thể phần đất được chia mặt tiền giáp với đường H: Ông Vu Hồng H ngang 5,5m dài 16m; bà Vu Thị Thu B ngang 10m, dài 30m; bà Vu Thị Thu T ngang 10m, dài 30m; ông V2 Bạch Đằng ngang 10m, dài 30m; bà Vu Thị Thu S ngang 10m, dài 30m; ông Vu V1 Tân ngang 5m, dài 30m; bà Vu Thị Thu N ngang 10m, dài 30m; Phần đất dành làm khu mộ ngang 08m, dài 80m; Ngoài ra, cụ S1 đã chuyển nhượng cho ông Lê Thành H1 năm 2000 chiều ngang 16m, chiều dài 36m, hiện nay vẫn chưa tách quyền sử dụng đất. Do đó, các phần này được đối trừ vào phần diện tích đất trồng cây lâu năm 5.937m^2 được chia thừa kế, cụ thể: Ông H 88m^2 ; bà B 300m^2 ; bà T 300m^2 ; ông Đ 300m^2 ; bà S 300m^2 ; ông T1 150m^2 ; bà N 300m^2 ; ông H1 576m^2 và 640m^2 chưa làm khu mộ, tổng diện tích là 2.954m^2 ; Sau khi đối trừ còn lại diện tích 2.983m^2 được chia thừa kế theo pháp luật.

[2.8] Đối với phần diện tích đất ông H được cha mẹ cho như đã nêu trên, phần này các đương sự thống nhất có chiều dài là 30m, tuy nhiên phần đất mà ông H được nhận chỉ có chiều dài 16m, là ít hơn so với các anh, em khác trong gia đình là chưa phù hợp. Do đó, xét cần điều chỉnh cho ông H tiếp tục được nhận thêm phần đất theo ý chí của cha, mẹ khi còn sống là phù hợp: Cụ thể ông H tiếp tục nhận thêm phần đất có chiều ngang 5,5m nối liền phần phía sau hậu nhà ông H và kéo thêm chiều dài 14m bằng $77,0\text{m}^2$. Cộng chung phần đất ông H đang quản lý và được nhận thêm là chiều ngang 5,5m, dài 30m, diện tích 165m^2 . Do phần diện tích đất trồng cây lâu năm hiện ông Đ đang quản lý, nên có nghĩa vụ giao lại cho ông H thêm phần diện tích 77m^2 tiếp nối với phần đất 88m^2 mà ông H đang quản lý sử

dụng, vì hiện nay phần diện tích phía sau giáp nối với đất ông H đang quản lý còn trống. Tại phiên toà sơ thẩm, ông Đ đồng ý giao phần diện tích đất này cho ông H, xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Toà án cấp sơ thẩm ghi nhận là có cơ sở. Như vậy, diện tích đất ông H được chia thừa kế là: $2.983 \text{ m}^2 - 77 \text{ m}^2 = 2.906 \text{ m}^2$, chia 07 kỷ phần bằng $426,14 \text{ m}^2/\text{kỷ phần}$; do đó, diện tích ông H được nhận là $426,14 \text{ m}^2$ loại đất trồng cây lâu năm.

[2.9] Đối với phần đất trồng lúa $8.749,6 \text{ m}^2$, ông Đ cho rằng đây là tài sản chung của ông với bà Đ1 do sang nhượng lại của cụ N3 với giá 450.000.000 đồng để lấy tiền trị bệnh cho cụ N3 và làm chi phí sinh hoạt trong gia đình, nhưng ông Đ không có chứng cứ gì chứng minh cho việc này và cũng không được ông H thừa nhận, nên lời trình bày của ông Đ là không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, yêu cầu của ông H chia thừa kế đối với phần đất này là có căn cứ chấp nhận.

[2.10] Như vậy, phần diện tích đất trồng lúa $8.749,6 \text{ m}^2$ được chia đều cho 07 kỷ phần, nên mỗi kỷ phần là $1.249,94 \text{ m}^2$; do đó, ông H được nhận kỷ phần thừa kế bằng $1.249,94 \text{ m}^2$. Tổng diện tích ông H được nhận là: $1.249,94 \text{ m}^2$ (đất trồng lúa) + $426,14 \text{ m}^2$ (đất cây lâu năm) = $1.676,08 \text{ m}^2$. Phần diện tích chênh lệch ông H không được chấp nhận yêu cầu là: $2.483,67 \text{ m}^2 - 1.676,08 \text{ m}^2 = 807,59 \text{ m}^2$

[2.11] Đối với hai phần đất nêu trên, quá trình giải quyết vụ án các đồng thừa kế không có ý kiến và yêu cầu gì về kỷ phần thừa kế được nhận nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, hiện hai phần đất trên ông Đ đang quản lý sử dụng; do đó, tiếp tục tạm giao cho ông Đ quản lý sử dụng toàn bộ các kỷ phần còn lại của những người thuộc hàng thừa kế; nếu sau này những người thuộc hàng thừa kế có tranh chấp thì giải quyết thành vụ án dân sự khác.

[2.12] Mặt khác, hai phần diện tích đất trên ông Đ đã chuyển nhượng và tặng cho nhiều người và các đương sự không xác định được vị trí của từng thửa đất, đồng thời không yêu cầu đo đạc thẩm định lại và định giá tài sản mà tự đưa ra giá, nên cấp sơ thẩm không xem xét chia đất mà chia theo giá trị đất theo từng kỷ phần được chia thừa kế theo pháp luật là phù hợp.

Theo giá đất phía nguyên đơn đưa ra, giá đất trồng cây lâu năm theo giá thị trường là $8.000.000 \text{ đ}/\text{m}^2$ và giá đất trồng lúa là $4.000.000 \text{ đ}/\text{m}^2$; phía bị đơn đưa ra giá đất trồng cây lâu năm theo nhà nước quy định là $120.000 \text{ đ}/\text{m}^2$ và giá đất trồng lúa là $70.000/\text{m}^2$ đồng. Do đó, căn cứ theo Thông tư tiên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC, ngày 28/3/2014 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ T11 hướng dẫn thi hành Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự về định giá tài sản, thẩm định giá tài sản, Toà án cấp sơ thẩm lấy mức giá của nguyên đơn và bị đơn đưa ra, cộng lại chia đôi để xác định giá là phù hợp, cụ thể :

- Đất cây lâu năm: $8.000.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 + 120.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 8.120.000 \text{ đồng}/\text{m}^2$: 2 = $4.060.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 \times 426,14 \text{ m}^2$ (phần đất ông H được nhận) = $1.730.128.400 \text{ đồng}$

- Đất trồng lúa: $4.000.000 \text{ đồng/m}^2 + 70.000 \text{ đồng/m}^2 = 4.070.000 \text{ đồng/m}^2$:
 $2 = 2.035.000 \text{ đồng/m}^2 \times 1.249,94 \text{m}^2$ (phần đất ông H được nhận) = 2.543.627.900
đồng.

Tổng cộng: 1.730.128.400 đồng + 2.543.627.900 đồng = 4.273.756.300 đồng.
Hiện hai phần đất này ông Đ quản lý và đứng tên quyền sử dụng đất, nên giao cho
ông Đ tiếp tục quản lý, buộc ông Đ có trách nhiệm giao lại phần giá trị đất cho ông
H là 4.273.756.300 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông Đ cho rằng giá đất như Toà án cấp sơ thẩm áp dụng
để chia thừa kế là cao, nếu tính theo giá đất do Nhà nước quy định thì ông cũng
đồng ý phân chia thừa kế cho ông H. Xét thấy: Phần đất ông H khởi kiện yêu cầu
chia thừa kế cũng chính là phần đất tranh chấp mà ông Vu Kim T7, bà Vu Kim
N4 khởi kiện bà Lê Thị N3 (là mẹ của ông H, ông Đ) yêu cầu trả lại đất. Tại vụ án
tranh chấp giữa ông T7, bà N4 với và N3, đương sự có yêu cầu thẩm định giá đất,
theo Chứng thư thẩm định giá thể hiện:

+ Đất cây lâu năm có các mức giá là: 7.000.000 đồng/m²; 9.000.000
đồng/m²; 15.000.000 đồng/m²; 17.000.000 đồng/m²;

+ Đất nuôi trồng thủy sản có các mức giá là: 2.700.000 đồng/m²; 4.400.000
đồng/m²; 5.300.000 đồng/m²; 9.000.000 đồng/m².

Như vậy, Toà án cấp sơ thẩm áp dụng mức giá đất cây lâu năm 4.060.000
đồng/m² và đất nuôi trồng thủy sản 2.035.000 đồng/m² là thấp hơn so với giá đất
của Chứng thư thẩm định giá trong vụ án tranh chấp giữa ông T7, bà N4 với cụ N3
và có lợi cho ông Đ.

[3] Từ phân tích trên, xét thấy bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ; do đó,
cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Vu Bạch Đ, giữ nguyên bản
án sơ thẩm là phù hợp. Tuy nhiên, cấp phúc thẩm có điều chỉnh lại phần nghĩa vụ
chịu án phí dân sự sơ thẩm của ông Đ, không buộc ông Đ phải chịu án phí dân sự
sơ thẩm có giá ngạch, do bản án sơ thẩm buộc ông Đ phải chịu án phí dân sự
sơ thẩm có giá ngạch số tiền 112.274.000 đồng là không đúng với quy định tại điểm a
khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đ là người cao tuổi nên được miễn chịu
án phí, đã dự nộp được nhận lại.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị
có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt
ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số
326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy
định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Vu Bạch Đ.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 182/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Nay là Toà án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vuur Hồng H. Phân chia cho ông Vuur Hồng H được nhận kỷ phần thừa kế theo pháp luật với diện tích đất cây lâu năm là 426,14m² và diện tích đất trồng lúa là 1.249,94m². Buộc ông Vuur Bạch Đ có nghĩa vụ giao cho ông V2 Hồng Hà giá trị quyền sử dụng đất đối với phần đất cây lâu năm và đất trồng lúa mà ông Vuur Hồng H được phân chia với tổng số tiền là 4.273.756.300 đồng.

Kể từ ngày ông Vuur Hồng H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông Vuur Bạch Đ còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Ông H được tiếp tục quản lý sử dụng căn nhà và phần đất do ông Vuur Hồng H đang quản lý ngang 5,5m, dài 16m, tọa lạc tại đường H, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau (N là đường H, phường H, tỉnh Cà Mau) .

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vuur Bạch Đ. Ông Vuur Bạch Đ có nghĩa vụ giao phần đất phía sau hậu tiếp giáp phần đất ông Vuur Hồng H đang quản lý có chiều ngang 5,5m, chiều dài 14m, diện tích là 77m² cho ông Vuur Hồng H.

Tổng cộng diện tích đất cây lâu năm ông H được quản lý, sử dụng là 165m² (ngang 5,5m, dài 30m) tọa lạc tại phường G, thành phố C (mặt tiền phía trước giáp đường Hải Thượng Lãn Ông, mặt cạnh giáp lộ nhựa hiện hữu theo vị trí M1 tại bản vẽ trích đo hiện trạng bổ sung lần 1 ngày 22/8/2025 của Công ty TNHH một thành viên Tài nguyên – Môi Trường Dâng Phong).

(Có Bản Trích đo hiện trạng kèm theo)

Ông Vuur Hồng H được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền về đất đai để đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Vuur Hồng H đối với phần diện tích đất cây lâu năm là 807,59m².

- Tiếp tục tạm giao các kỷ phần của các đồng thừa kế cho ông Đ quản lý, sử dụng. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì giải quyết thành vụ án dân sự khác.

Về án phí dân sự:

Án phí sơ thẩm: Ông Vuur Hồng H được miễn chịu án phí, ông Vuur Bạch Đ không phải chịu án phí.

Án phí phúc thẩm: Ông Vuur Bạch Đ được miễn chịu án phí. Ngày 29/7/2022, ông Đ đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001811 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 1- Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 1- Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập